TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 180/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp 1, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Phạm Văn C**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp 1, xã M H, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị và anh C kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh C đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện và khuyên bảo nhau nhưng không thể hàn gắn. Hiện nay chị và anh C đã không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay do tình

cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quang N, sinh ngày 16/01/2009, hiện con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải anh Phạm Văn C trình bày: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị L về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quang N, sinh ngày 16/01/2009, hiện con chung đang sống chung với chị L. Khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy CMND + sổ hộ khẩu của chị L (photo);
- Giấy khai sinh tên Phạm Quang N (bản sao);
- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
- Bản tự khai của cháu Phạm Quang N (bản chính);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự đều thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu L hôn của chị L về việc yêu cầu được L hôn với anh C nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã M H, huyện C L, nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn anh Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Chị L và anh C chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M H vào năm 2004 nên hôn nhân giữa chị L và anh C là hợp pháp. Tuy nhiên, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện nay chị L và anh C đã không còn sống chung và không còn quan tâm lẫn nhau. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ. Đồng thời, tại biên bản hòa giải anh Phạm Văn C cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc gia đình nên anh C cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị L và anh C, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quang N, sinh ngày 16/01/2009, hiện con chung đang sống chung với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Còn anh C cho rằng khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc yêu cầu của chị L là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại buổi hòa giải cả chị L và anh C đều thừa nhận hiện nay con chung (cháu Phạm Quang N) đang sống chung với chị L, đồng thời tại bản tự khai cháu N cũng xác định khi cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu N là được sống chung với chị L. Mặt khác, để đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định cũng như việc phát triển bình thường về thể chất và tinh thần cho cháu N nên cần tiếp tục để cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Còn đối với yêu cầu của anh C là không được chấp nhận (như đã phân tích ở trên).

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000363 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Trúc L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Phạm Văn C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Quang N, sinh ngày 16/01/2009. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu. Anh Phạm Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai số 0000363 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã M H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh